

Số: /SKHCN-QL

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

V/v tuyên truyền và hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền Sở hữu công nghiệp

Kính gửi: - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Như chúng ta đã biết “*sở hữu trí tuệ*” không chỉ là một thủ tục pháp lý, mà chính là “*lá chắn*” bảo vệ thành quả kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Khi một sản phẩm, một nhãn hiệu hay một công nghệ được hình thành từ nhiều tâm huyết và nguồn lực, việc chậm trễ trong đăng ký bảo hộ sẽ đẩy tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vào rủi ro cực lớn: bị đối thủ sao chép, bị làm giả, hoặc thậm chí bị chính người sáng tạo bị kiện ngược lại vì vi phạm bản quyền của bên khác. Và “*đăng ký sở hữu trí tuệ*” sớm chính là cách tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân “*thiết lập quyền sở hữu tuyệt đối*”, ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm và bảo vệ túi tiền, uy tín của chính mình trước khi quá muộn.

Với tầm quan trọng như trên, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tuyên truyền và hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp như sau:

I. Tuyên truyền các văn bản về sở hữu trí tuệ

Sở hữu trí tuệ được quy định cụ thể hoá tại các văn bản như sau:

1. Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025; Luật số 131/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

2. Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026;

3. Nghị định số 133/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

4. Thông tư số 10/2026/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026.

5. Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.

6. Thông tư số 29/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí để hỗ trợ việc kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu và khuyến khích thực hiện dịch vụ công trên ứng dụng VneID.

(Có file văn bản đính kèm theo)

II. Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

1. Cơ quan được giao chủ trì thực hiện thủ tục sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, đăng ký nhãn hiệu, đăng ký chỉ dẫn địa lý là Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đầu mối tiếp nhận hồ sơ, quy trình và các thủ tục liên quan: tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Thành phần hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:

3.1. Đối với Đơn đăng ký sáng chế được quy định tại Điều 11 Thông tư số 10/2026/BKHHCN ngày 31/3/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ khai đăng ký sáng chế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I của Thông tư số 10/2026/BKHHCN ngày 31/3/2026;

b) Bản mô tả sáng chế;

c) Bản tóm tắt sáng chế;

d) Văn bản ủy quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện);

đ) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác;

e) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên bao gồm:

e1) Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;

e2) Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác;

g) Tài liệu thuyết minh về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen;

h) Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

3.2. Đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được quy định tại Điều 45 Thông tư số 10/2026/BKHCN ngày 31/3/2026, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ khai đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I của Thông tư số 10/2026/BKHCN ngày 31/3/2026.

b) Tài liệu xác định kiểu dáng công nghiệp cần bảo hộ là bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp (nộp 04 bộ ảnh chụp, bản vẽ đối với trường hợp đơn được nộp dạng giấy).

c) Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp.

d) Văn bản ủy quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện).

đ) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác.

e) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên bao gồm:

- Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;

- Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác.

g) Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

3.3. Đối với đơn đăng ký nhãn hiệu được quy định tại Điều 68 Thông tư số 10/2026/BKHCN ngày 31/3/2026, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ khai đăng ký nhãn hiệu theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I của Thông tư số 10/2026/BKHCN ngày 31/3/2026.

b) Mẫu nhãn hiệu (05 mẫu kích thước 80 x 80 mm đối với trường hợp nộp đơn dạng giấy) và danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

c) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

+ Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

+ Bản đồ khu vực địa lý (nếu nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu chứng nhận nguồn gốc địa lý của sản phẩm, hoặc nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương);

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương (nếu nhãn hiệu đăng ký là nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có chứa địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương);

- Giấy ủy quyền (nếu nộp đơn thông qua đại diện);

- Tài liệu chứng minh quyền đăng ký nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác;

- Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên; Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác.

- Tài liệu chứng minh quyền sử dụng hình ảnh của cá nhân để đăng ký nhãn hiệu, bao gồm: Bản sao giấy tờ tùy thân (có hình ảnh cá nhân) trong trường hợp người nộp đơn sử dụng hình ảnh của chính mình; Văn bản đồng ý cho phép sử dụng hình ảnh của cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật dân sự trong trường hợp người nộp đơn sử dụng hình ảnh của cá nhân khác và bản sao giấy tờ tùy thân (có hình ảnh cá nhân) của người đó;

- Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

d) Yêu cầu thẩm định nội dung nhanh đơn đăng ký nhãn hiệu:

- Đơn yêu cầu thẩm định nội dung nhanh theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN;

- Tài liệu chứng minh nhãn hiệu đăng ký thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14a của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

3.4. Đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được quy định tại Điều 93 Thông tư số 10/2026/BKHCN ngày 31/3/2026, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ khai đăng ký chỉ dẫn địa lý theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I của Thông tư số 10/2026/BKHCN ngày 31/3/2026.

b) Bản mô tả tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và các yếu tố đặc trưng của điều kiện tự nhiên tạo nên tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm đó (sau đây gọi là bản mô tả tính chất đặc thù).

c) Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý.

d) Mẫu chỉ dẫn địa lý trong trường hợp chỉ dẫn địa lý không phải là từ ngữ (05 mẫu trong trường hợp đơn được nộp dưới dạng giấy).

đ) Tài liệu chứng minh chỉ dẫn địa lý đang được được bảo hộ tại nước có chỉ dẫn địa lý đó, nếu là chỉ dẫn địa lý của nước ngoài.

e) Tài liệu thuyết minh về điều kiện sử dụng và cách thức trình bày chỉ dẫn địa lý để bảo đảm khả năng phân biệt giữa các chỉ dẫn địa lý trong trường hợp chỉ dẫn địa lý đăng ký là chỉ dẫn địa lý đồng âm.

g) Văn bản ủy quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện).

h) Tài liệu khác bổ trợ cho đơn (nếu có).

4. Mẫu đơn và tài liệu hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân truy cập vào đường link sau:

4.1. Hướng dẫn về đăng ký kiểu dáng công nghiệp:

https://www.ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/kieu-dang-cong-nghiep

4.2. Hướng dẫn về đăng ký nhãn hiệu:

https://www.ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/nhan-hieu

4.3. Hướng dẫn về đăng ký Chỉ dẫn địa lý:

https://www.ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/chi-dan-dia-ly

4.4. Hướng dẫn về đăng ký sáng chế:

https://www.ipvietnam.gov.vn/vi_VN/web/guest/sang-che-gphi

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các xã/phường phối hợp tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc phạm vi quản lý biết và thực hiện.

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (B/c);
- Lưu: VT, QL.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thị Lệ Dung